

Số: 03/QĐ-MNTB

Tân Bình, ngày 09 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TÂN BÌNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ vào Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non ngày 31/12/2020;

Căn cứ quyết định số 1588/QĐ –UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của trường Mầm non Tân Bình. (Có biểu mẫu đính kèm)

Thời gian công khai từ 09/01/2025 đến 09/4/2025

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Cán bộ quản lý, Bộ phận kế toán và toàn thể giáo viên, nhân viên của trường mầm non Nam Sơn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng tài chính - KH;
- Lưu : KT.

HIỆU TRƯỞNG



Đương Thị Thu Thủy

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON TÂN BÌNH

Chương: 070-071

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-MNNS ngày 09/01/2025

của Trường Mầm non Tân Bình)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	454
I	Số thu phí, lệ phí	454
1	Thu sự nghiệp	454
	Học phí	454
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	454
1	Chi sự nghiệp giáo dục	454
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	454
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước (Nguồn ngân sách trong nước)	7.761
1	Chi quản lý hành chính	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7.761
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.761
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	